

KẾ HOẠCH
Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, gồm các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Cụ thể hóa các nội dung triển khai thực hiện Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản.

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên cơ sở phát huy lợi thế sẵn có của địa phương; phát triển sản xuất các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ lực, tiềm năng của tỉnh và sản phẩm đặc trưng của địa phương đáp ứng các tiêu chuẩn, chất lượng, theo chuỗi giá trị ngành hàng, đa giá trị; quan tâm phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển nông nghiệp hữu cơ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông nghiệp trên cơ sở khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tận dụng tối đa lợi thế về khí hậu, đất đai, vị trí địa lý và nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới nhằm xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, thông minh và phát triển bền vững, góp phần giải quyết việc làm, nâng hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

Tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính và các tác động tiêu cực khác đối với môi trường, khai thác tốt các lợi ích về

môi trường, nâng cao năng lực quản lý rủi ro, chủ động phòng chống thiên tai góp phần thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh; ngăn chặn, xử lý tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là từ rác thải nông thôn; từng bước nâng cao chất lượng môi trường nông thôn; quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung, nông lâm kết hợp, trồng cây phân tán; chú trọng phát triển kinh tế rừng, trồng và chế biến dược liệu; triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng..

2. Yêu cầu: Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan chủ động triển khai Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao. Việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, hiệu quả; thực hiện nghiêm túc việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, báo cáo, đánh giá tiến độ đối với việc thực hiện các nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung: Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, đảm bảo an ninh lương thực, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường sinh thái; nâng cao thu nhập cho người nông dân; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành Nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân đạt 4,5%/năm. Giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân 5,6%/năm, trong đó: Nông nghiệp 5,5% (*trồng trọt: 5,0%/năm, chăn nuôi: 7,0%/năm, dịch vụ nông nghiệp: 6,0%/năm*), Lâm nghiệp 4,0%/năm và Thủy sản 7,5%/năm; Cơ cấu: Nông nghiệp chiếm 98,52% (*Trồng trọt: 85,97%, Chăn nuôi: 11,39%, Dịch vụ nông nghiệp: 2,63%*), Lâm nghiệp chiếm 0,32% và Thủy sản chiếm 1,16%. Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp đạt bình quân năm 7-8%. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp đạt trên 95 triệu đồng.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt trên 30%; tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt 25% trở lên; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao đạt 20% trở lên; tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt 7-8%/năm; diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ đạt khoảng 1,5% tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp.

- Công nhận mới thêm 30 sản phẩm OCOP, nâng tổng số sản phẩm OCOP đạt trên 80 sản phẩm đến năm 2025, trong đó có ít nhất 10% sản phẩm đạt 4-5 sao, có ít nhất 45% Hợp tác xã nông nghiệp sở hữu sản phẩm OCOP.

- Mở rộng và phát triển thị trường, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông sản đạt bình quân 5%/năm; đến năm 2025, giá trị xuất khẩu đạt trên 1,2 tỷ USD.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước trên 35%. Tỷ lệ diện tích rừng trồng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận trên 30%. Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch trên 70%.

- Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 45%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo trên 55%. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn bình quân đạt từ 50 triệu đồng/người/năm.

- Phần đầu có ít nhất 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, ít nhất 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân toàn tỉnh đạt từ 17,2 tiêu chí nông thôn mới/xã và không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí.

- Hình thành và phát triển thêm 12 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nâng tổng số vùng lên 16 vùng vào năm 2025; Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và ứng dụng một phần công nghệ cao chiếm từ 15-20% trong giá trị sản xuất nông nghiệp; Công nhận thêm 3 đến 4 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp xanh, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40% gắn với nâng cao chất lượng rừng và phát triển kinh tế rừng.

III. NHIỆM VỤ

1. Cơ cấu theo 03 nhóm sản phẩm: Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; nhóm sản phẩm tiềm năng và nhóm sản phẩm chủ lực địa phương (huyện, thành phố) được quy định tại Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 10/12/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành danh mục các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

1.1. Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh

- Cà phê: Duy trì và phát triển ổn định khoảng 134.000 ha, tập trung tại các huyện: Đắk Mil, Đắk Song, Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Glong và Krông Nô. Đẩy mạnh tái canh và ghép cải tạo các vườn cà phê già cỗi; sử dụng giống cà phê năng suất, chất lượng cao để thực hiện tái canh, như: TR4, TR9, TR11, cà phê dây, TRS1,...; thực hiện trồng xen cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm với những vùng cà phê tái canh có đủ điều kiện. Tăng cường đầu tư chế biến sâu để nâng cao chất lượng cà phê xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Hồ tiêu: Duy trì và ổn định khoảng 34.000 ha, tập trung tại các huyện: Đắk Song, Đắk R'lấp, Đắk Glong, Tuy Đức và Cư Jút. Tăng diện tích hồ tiêu trồng xen, giảm diện tích hồ tiêu trồng thuần để giảm áp lực về sinh vật gây hại.

- Cao su: Giảm diện tích ở địa bàn không phù hợp, duy trì và phát triển ổn định khoảng 24.000 ha, tập trung tại các huyện: Cư Jút, Đắk R'lấp, Đắk Glong, Krông Nô và Tuy Đức. Thực hiện tái canh vườn cây hết tuổi khai thác và thâm canh các vườn cây hiện có để nâng cao năng suất, chất lượng. Trồng theo đúng quy trình, sử dụng các giống ghép năng suất cao, kháng bệnh và chịu hạn tốt.

- Điều: Duy trì và phát triển ổn định khoảng 16.000 ha, tập trung tại các huyện: Cư Jút, Krông Nô, Đăk R'láp, Tuy Đức. Sử dụng các giống điều mới để tiếp tục phục vụ tái canh, thay thế vườn điều già cỗi, lùn tạp, năng suất thấp, chất lượng kém như: PN1, BP18, BP27, BP43, BP68, BP89, AB29, AB05-08.

1.2. Nhóm sản phẩm tiềm năng

- Bò thịt: Phát triển đàn bò trên 38.000 con, tập trung tại các huyện: Đăk Glong, Cư Jút, Krông Nô, Tuy Đức. Ứng dụng công nghệ cao vào chăn nuôi bò theo hướng trang trại công nghiệp, hữu cơ, an toàn sinh học, có giá trị kinh tế cao tập trung; ưu tiên phát triển các giống bò giá trị kinh tế cao: Brahman đỏ, Blanc Blue Belgium (BBB); Zebu, Hereford, Druoghmaster, Red Angus,...; thu hút doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi bò công nghệ cao gắn với an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Cây dược liệu: Phát triển cây dược liệu tại các huyện: Cư Jút, Đăk Glong, Đăk R'láp. Phát triển cây dược liệu theo hướng trồng tập trung, ứng dụng công nghệ tiên tiến, trồng sinh thái theo mô hình nông - lâm kết hợp và trồng dưới tán rừng có liên kết tiêu thụ và đảm bảo tiêu chuẩn; ưu tiên trồng các loài cây dược liệu có giá trị y học, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, như: Actisô, đinh lăng, đảng sâm, kim tiền thảo, diệp hạ châu, thảo quyết minh, rau đắng đất, sa nhân tím, ý dĩ, sài hồ,... Đến năm 2025, diện tích trồng đạt khoảng 500 ha. Ngoài các vùng trồng cây dược liệu, khuyến khích các hộ dân trồng cây dược liệu tại vườn hộ (cây thuốc nam), vườn rừng phục vụ nhu cầu tại chỗ và một phần cung cấp cho thị trường.

- Mắc ca: Từng bước mở rộng diện tích trồng tập trung, trồng xen ở những nơi có điều kiện sinh thái phù hợp, sử dụng các giống có nguồn gốc rõ ràng và áp dụng đúng quy trình kỹ thuật. Phấn đấu đến năm 2025, tổng diện tích Mắc ca trên địa bàn tỉnh đạt 6.506 ha, cụ thể: (i) Phân theo phương thức trồng: Diện tích trồng thuần loài tập trung là 1.660 ha, diện tích trồng xen (nông, lâm kết hợp) là 4.846 ha; (ii) Phân theo loại đất: Trồng trên đất nông nghiệp là 3.168 ha, trồng trên đất lâm nghiệp là 3.338 ha. Hình thành vùng chuyên canh tập trung tại huyện Tuy Đức, chiếm khoảng 70% diện tích mắc ca toàn tỉnh.

1.3. Nhóm sản phẩm chủ lực của địa phương

- Lúa: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, diện tích gieo trồng khoảng 12.000 ha. Phát triển sản xuất gạo hữu cơ, đa dạng các sản phẩm chế biến từ gạo và phụ phẩm của lúa gạo (rom, rạ, trấu, cám) để tăng giá trị gia tăng; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu giống lúa, đưa giống lúa có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, như: ST24, ST25, RVT, VT404, Đài Thơm,...; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật canh tác mới như: kỹ thuật quản lý tổng hợp SRI, 1 phải 5 giảm; quy trình sản xuất lúa ICM; tăng cường cơ giới hoá khâu làm đất, gieo cấy và thu hoạch; xây dựng thương hiệu lúa gạo đặc sản, chất lượng cao, an toàn thông qua các mô hình canh tác an toàn bền vững. Đầu tư phát triển sản xuất lúa gạo tập trung ở các huyện: Krông Nô, Cư Jút, Đăk Mil.

- Ngô: Duy trì và phát triển ổn định khoảng 41.00 ha, tập trung ở các huyện: Krông Nô, Cư Jút, Đăk Mil. Tổ chức sản xuất theo mô hình tập trung áp

dụng cơ giới hóa, sử dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản xuất; ưu tiên sử dụng các giống ngô đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận, thích ứng với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng của tỉnh, có năng suất cao, ổn định, kháng sâu bệnh, chịu hạn tốt, như: NK 66, NK 67, NK 7328, CP 511,...; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hình thành chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ.

- Khoai lang: Sản xuất khoảng 6.500 ha, tập trung ở các huyện: Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong và Krông Nô; chiếm 80% diện tích trồng khoai lang toàn tỉnh. Áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; đưa các giống khoai lang có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như: khoai lang Nhật Bản, khoai lang cao sản,...; xây dựng các chuỗi liên kết trong chế biến và tiêu thụ sản phẩm khoai lang.

- Đậu tương: Phát triển ổn định khoảng 3.000 ha, tập trung ở các huyện Cư Jút và Đắk Mil. Tăng cường luân canh, xen canh, gối vụ với các cây trồng hàng năm khác để hạn chế sâu bệnh và phát triển bền vững; đưa các giống đậu tương có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như: giống đậu tương Vinasoy 02-NS,...; áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, các biện pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý.

- Đậu lạc: Phát triển ổn định khoảng 5.100 ha, tập trung ở các huyện: Cư Jút, Đắk Mil. Xây dựng các mô hình kiểu mẫu để định hướng sản xuất; ưu tiên sử dụng các giống đậu lạc cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất như: L14, TK10, giống đậu vôi địa phương,...; áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, biện pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm.

- Sầu riêng: Ổn định khoảng 4.700 ha, tập trung ở các huyện: Đắk Mil, Đắk R'lấp, Đắk Glong và thành phố Gia Nghĩa. Tuyển chọn các giống sầu riêng phù hợp cho năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, như: Musang king, Ri6, Dona,...; hỗ trợ xây dựng mô hình kiểu mẫu để định hướng sản xuất giống cây trồng và đảm bảo cung ứng nguồn giống chất lượng cao cho người sản xuất. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, áp dụng biện pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý; áp dụng công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến hiện đại tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Bơ: Ổn định và phát triển khoảng 5.000 ha. Ưu tiên phát triển các giống Bơ có chất lượng cao, năng suất tốt và cho trái rải vụ, phù hợp với nhu cầu thị trường tiêu thụ và điều kiện tự nhiên, có lợi thế tại từng vùng, phục vụ phát triển du lịch, như: Bơ 034, Bơ Tứ quý, Bơ sáp da xanh, Bơ sáp vàng, Bơ Trịnh Mười, Bơ Thành Bích,... Đồng thời, tiếp tục rà soát, chuyển đổi dần các giống bơ không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn sang phát triển các giống bơ đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị kinh tế cao, ứng dụng công nghệ cao, phục vụ xuất khẩu, như: Bơ Hass, Bơ Pinkerton,.. Tập trung xây dựng vùng trồng chất lượng cao, khuyến khích thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến; đăng ký chỉ

dẫn địa lý, xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh hình thành các liên kết vùng, hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu Bơ.

- Cây ăn quả có múi (cam, quýt, chanh, bưởi,...): Phát triển ổn định khoảng 1.000 ha, tập trung ở các huyện: Cư Jút, Krông Nô, Đắk Glong, Đắk Song và thành phố Gia Nghĩa. Tuyển chọn các giống cây phù hợp cho năng suất chất lượng cao vào trong cơ cấu cây trồng; hỗ trợ xây dựng mô hình kiểu mẫu để định hướng về sản xuất. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý; áp dụng công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến hiện đại tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Mít: Phát triển khoảng 1.100 ha, tập trung ở các huyện: Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Glong, Đắk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, biện pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; ưu tiên sử dụng các giống mít cho năng suất, chất lượng cao như: mít Thái, mít không hạt, mít tổ nữ,...; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý; áp dụng công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến hiện đại tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Xoài: Phát triển ổn định khoảng 1.600 ha. Tập trung phát triển các giống xoài phục vụ xuất khẩu, như: Xoài Đài Loan, xoài Thái và các giống xoài phục vụ tiêu thụ nội địa: Xoài Ba mùa, Xoài Tai tượng; vùng trồng tập trung tại các huyện: Đắk Mil, Cư Jút. Tiếp tục rà soát, chuyển dần các giống xoài không đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn sang phát triển các giống xoài đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị kinh tế cao, ứng dụng công nghệ cao và xuất khẩu. Hướng dẫn cho người dân áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng các quy trình sản xuất, canh tác xoài an toàn; chuyển giao công nghệ thu hoạch, bảo quản sau thu hoạch, quản lý dịch hại và giảm thiểu thất thoát trong và sau thu hoạch, nhằm hướng tăng tỷ trọng xoài đạt chứng nhận chất lượng (*VietGAP, GlobalGAP, HACCP, ISO 14000, BRC...*); ưu tiên phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất giữa các nông dân trồng xoài; đẩy mạnh, khuyến khích hình thành các chuỗi liên kết theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chanh dây: Phát triển ổn định khoảng 2.000 ha, tập trung tại huyện Đắk Glong và thành phố Gia Nghĩa. Tuyển chọn các giống chanh dây cho năng suất chất lượng cao như: chanh dây tím, Đài Nông 1,...; xây dựng mô hình kiểu mẫu để định hướng về sản xuất. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên bộ, biện pháp phòng trừ sâu bệnh sinh học và sản xuất theo tiêu chuẩn; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý. Khuyến khích người trồng tham gia vào hợp tác xã, tổ hợp tác, áp dụng khoa học công nghệ, liên doanh sản xuất, bảo quản và kinh doanh sản phẩm.

- Rau, hoa: Phát huy lợi thế về khí hậu và tiềm năng đất đai, ngoài phát triển các chủng loại rau, hoa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của dân cư đô thị, công nghiệp, du lịch và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; tập trung phát triển một số loại rau, hoa có lợi thế và có khả năng vận chuyển đi xa, trước mắt là

hướng tới thị trường TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ, lâu dài hướng đến thị trường xuất khẩu. Hình thành các vùng chuyên canh tập trung, áp dụng quy trình sản xuất an toàn và ứng dụng công nghệ cao với quy mô diện tích gieo trồng trên 7.000 ha.

- Thịt lợn: Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp; tăng đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học; ưu tiên phát triển các giống lợn bản địa có giá trị kinh tế cao (*lợn đen đồng bào*) và các giống lợn ngoại: Yorkshire, Landrace, Duroc, Pietrain.... Tổng đàn lợn khoảng 600.000 con, tập trung ở các huyện: Cư Jút, Đắk R'lấp, Krông Nô.... Phát triển hệ thống quản lý đàn chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, hệ thống giết mổ công nghiệp hiện đại, bảo đảm an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm gắn với vùng chăn nuôi tập trung.

- Gia cầm, thủy cầm (gà, vịt,...): Phát triển khoảng 3.600.000 con, sản lượng khoảng 1.600 tấn thịt xẻ, tập trung chủ yếu ở các huyện: Krông Nô, Đắk Mil, Cư Jút, Đắk R'lấp. Chuyển đổi mạnh hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, gia trại an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao, áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt. Phát triển các giống gà mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao như: Arbor Acres, TB1, BT2, Lương Phượng, gà chọi lai... Áp dụng kỹ thuật chăn nuôi và công nghệ chẩn đoán, thú y tiên tiến để phòng dịch bệnh; sử dụng công nghệ về vi sinh để xử lý môi trường chuồng trại chăn nuôi gia cầm. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia cầm tập trung, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường.

- Thủy sản các loại: Phát triển nuôi trồng khoảng 2.000 ha, 600 lồng bè với sản lượng khoảng 9.130 tấn. Tăng cường quản lý nuôi trồng thủy sản, không để phát triển tự phát nhằm bảo vệ môi trường; chủ động sản xuất giống tại chỗ, ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, giá trị gia tăng; ưu tiên phát triển các giống thủy sản nuôi chủ lực như: cá trắm, cá chép, rô phi và các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Cá mồm trâu, cá lăng châm,....

- Gỗ, sản phẩm từ gỗ, lâm sản ngoài gỗ: Phát triển rừng trồng tập trung tại các huyện Đắk Glong, Tuy Đức... để đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản. Huy động các nguồn lực phù hợp để triển khai xây dựng các nhà máy chế biến nông, lâm sản tại huyện Đắk Glong, Tuy Đức... Phân đấu đến năm 2025, có thể chủ động được nguyên liệu cho chế biến và sản xuất sản phẩm gỗ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và ngoài tỉnh, hướng đến xuất khẩu.

2. Cơ cấu lại sản xuất theo từng lĩnh vực

2.1. Trồng trọt

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế sản phẩm, địa phương. Cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng nhóm cây lương thực; ổn định tỷ trọng nhóm cây công nghiệp lâu năm và hàng năm; tăng tỷ trọng nhóm cây ăn quả, rau, hoa, cây cảnh, dược liệu và từng bước tăng

tỷ trọng giá trị cây mắc ca và các cây trồng mới; gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến sâu. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với phát huy lợi thế cạnh tranh trên thị trường và điều kiện sinh thái của từng tiểu vùng, từng địa phương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao gắn với xây dựng chuỗi giá trị, hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, phát triển thương hiệu, liên kết vùng, liên kết ngành và hợp tác quốc tế để phát triển cả thị trường trong nước và xuất khẩu.

Ứng dụng công nghệ sau thu hoạch và bảo quản, chế biến nhằm nâng cao giá trị của các mặt hàng và lợi thế cạnh tranh phục vụ xuất khẩu. Xây dựng thương hiệu các sản phẩm và chỉ dẫn địa lý các ngành hàng chủ lực có giá trị kinh tế cao như: cà phê, sầu riêng, bơ, đậu tương, khoai lang và một số cây dược liệu.

Quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả đất chuyên trồng lúa, chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên đất lúa thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái để đáp ứng nhu cầu của thị trường và phục vụ du lịch.

2.2. Chăn nuôi

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung quy mô lớn (trang trại, gia trại) bền vững, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và kiểm soát tốt dịch bệnh, nâng cao sức cạnh tranh ngành chăn nuôi của tỉnh; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Đa dạng hóa các loài vật nuôi để phát huy lợi thế của từng tiểu vùng và nhu cầu đa dạng của từng thị trường, tập trung chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng đàn lợn, đàn gia cầm, gia súc ăn cỏ. Nâng cao tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi được sản xuất trong các trang trại, hộ chăn nuôi, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường; nâng cao tỷ trọng sản phẩm chăn nuôi được giết mổ tập trung công nghiệp, sơ chế, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

2.3. Thủy sản

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 492/KH-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược và Đề án phát triển thủy sản tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng hóa với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế và giá trị xuất khẩu cao.

Tổ chức nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung trên các diện tích ao hồ nhỏ, mặt nước hồ chứa và nuôi lồng bè trên các sông, hồ theo hướng bảo vệ môi trường với các đối tượng có giá trị kinh tế; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong khai thác nhằm nâng cao hiệu quả và bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản.

Nâng cao năng lực sản xuất giống thủy sản nhằm chủ động đáp ứng nhu cầu về số lượng và đảm bảo chất lượng con giống. Tăng cường công tác bảo vệ

và tái tạo nguồn lợi, nghiêm cấm những hành vi xâm hại nguồn lợi, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và tài nguyên thủy sản.

2.4. Lâm nghiệp

Triển khai thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tập trung bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có, phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo tồn, sử dụng bền vững rừng và đất rừng, tăng khả năng hấp thụ và lưu giữ các - bon của rừng; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, chủ rừng nâng cao năng lực, hoàn thiện các thủ tục để được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Phát triển lâm nghiệp bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường. Phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tập trung phát triển kinh tế rừng thông qua đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp; khuyến khích, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế rừng, trồng cây phân tán, trồng cây gỗ bản địa và lâm sản ngoài gỗ, khoanh nuôi, tái sinh. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp; tiếp tục thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3. Phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Tập trung hình thành và phát triển các vùng sản xuất cây trồng, vật nuôi tập trung; tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận; thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường tiêu thụ để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Đến năm 2025, hình thành và phát triển thêm 12 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đảm bảo theo các tiêu chí tại Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí đánh giá và trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, nâng tổng số vùng lên 16 vùng vào năm 2025; Giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và ứng dụng một phần công nghệ cao chiếm từ 15-20% trong giá trị sản xuất nông nghiệp; Công nhận thêm 3 đến 4 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp đến các cấp, các ngành, địa phương và người dân

Các cấp, các ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh; về vai trò của kinh tế tập thể, Hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; các cơ chế, chính sách, đề án, dự án, mô hình sản xuất, chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản hiệu quả, thiết thực... đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân bằng nhiều hình thức, trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động, thu hút được sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

2. Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp

Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đối với các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tổ chức thẩm định nguồn vốn, phê duyệt chủ trương đầu tư đối với những dự án dự kiến khởi công trong những năm đầu kỳ trung hạn, đảm bảo đúng các quy định pháp luật hiện hành về đầu tư công.

Huy động các nguồn lực đầu tư từ nguồn vốn ODA, FDI và nguồn vốn từ các thành phần kinh tế cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung, ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện: 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025¹; đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ nông nghiệp, trong đó chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực, tiềm năng, thế mạnh của địa phương; nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi và các Chương trình, Đề án, Dự án khác để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh.

Tăng cường quản lý chất lượng đầu tư, xây dựng công trình, kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu đề xuất chủ trương đầu tư, chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đến thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn...

3. Nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và công tác quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn

Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tiếp cận thông tin khoa học, kỹ thuật, thị trường; hỗ trợ nghiên cứu chuyển giao ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Tập trung ưu tiên đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chọn tạo các giống mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi; áp dụng các quy trình sản xuất hiệu quả, quy trình sản xuất tiêu chuẩn

¹ Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững

hữu cơ, VietGap, GlobalGap...; ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến nông sản, công nghệ sinh học, công nghệ số, thông tin, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói... phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh triển khai Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Đề án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 27/4/2022.

Xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng, nhân rộng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với các sản phẩm chủ lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Khuyến nông tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 25/12/2020. Cùng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố. Đổi mới nội dung và phương pháp khuyến nông đáp ứng nhu cầu của nông dân, thị trường, trong đó chủ động xây dựng các mô hình khuyến nông phục vụ chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu nông nghiệp, hướng tới xuất khẩu; mô hình khuyến nông về sản xuất, chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ; tạo điều kiện cho nông dân học tập, nghiên cứu về lĩnh vực sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật tiên bộ, cơ giới hóa, công nghệ sinh học, vi sinh, công nghệ thông tin... vào các khâu trong sản xuất (trồng, chăm sóc, khai thác, thu hoạch, bảo quản, chế biến) và xử lý chất thải. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng cao, công nghệ tuần hoàn, tiết kiệm nước, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường.

4. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất; đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường

Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp HTX với doanh nghiệp, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt đưa khoa học công nghệ và trình độ quản trị vào chuỗi giá trị. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh thực hiện

Chương trình hành động nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả với các mô hình Kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Thực hiện hiệu quả Đề án Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025.

Xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã nông nghiệp, phát triển Hợp tác xã nông nghiệp theo chuỗi liên kết, gắn với quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản phẩm ngành nghề nông thôn, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh và sản phẩm OCOP. Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 -2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 12/12/2018; Kế hoạch số 433/KH-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bền vững theo chuỗi liên kết giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 739/KH-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình số 63/CTr-TU ngày 30/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2030.

Hàng năm, quan tâm bố trí kinh phí thực hiện các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, tạo điều kiện cho các Hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi liên kết, phát huy vai trò cầu nối giữa nông dân với doanh nghiệp trong cung ứng dịch vụ đầu vào sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và hạ tầng thương mại ở nông thôn theo hướng chủ động, thông minh và thích ứng biến đổi khí hậu

Đầu tư, nâng cấp, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng thương mại ở nông thôn đồng bộ, hiện đại, đảm bảo tăng cường liên kết vùng đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với quy mô sản xuất hàng hóa lớn, hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu xây dựng và triển khai chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại ở khu vực nông thôn.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nước, bảo đảm quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài. Đầu tư, phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cung cấp nước tưới cho diện tích cây trồng; ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi đa mục tiêu; tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi, các giải pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai đồng bộ, hiện đại, đảm bảo khả năng chống chịu thiên tai và

giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; trong đó, ưu tiên đầu tư, nâng cấp công trình phòng chống sạt lở bờ sông.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở; phát huy nội lực và vai trò chủ thể của người dân trong công tác thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo Luật Thủy lợi đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung cấp các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để mở rộng, tăng nguồn thu, đảm bảo đủ chi phí quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi ... Phát triển thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành theo hướng đa chức năng để phục vụ nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi, dân sinh và sản xuất công nghiệp, du lịch; ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai bằng nhiều hình thức với nội dung đa dạng; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, chủ động chỉ đạo sản xuất và triển khai ứng phó thiên tai kịp thời, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ. Thường xuyên tổ chức kiểm tra các hồ đập thủy lợi, đảm bảo mục tiêu cấp nước phục vụ sản xuất và an toàn công trình.

Xây dựng và triển khai chính sách ưu đãi thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thương mại ở khu vực nông thôn. Kêu gọi nguồn lực đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, dịch vụ phục vụ khai thác, nuôi trồng và sơ chế, chế biến thủy sản.

6. Tập trung thực hiện công tác phát triển nông thôn; thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic

Thực hiện hiệu quả Chương trình số 3042/CTr-UBND ngày 22/6/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ về ổn định dân di cư tự do và quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường; Đề án bố trí, sắp xếp ổn định dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030.

Triển khai, thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 677/KH-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông triển khai Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp tạo động lực tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương với từng loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh. Hỗ trợ, phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp.

Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 578/KH-UBND ngày 21/8/2021 triển khai Chương trình số 15-CTr/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông thực hiện Chương trình phát triển kênh sản xuất, phân phối, tiêu thụ nông sản theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) giai đoạn 2020-2025.

Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản; thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistics, nhất là hạ tầng giao thông vận tải; hạ tầng kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản. Phát triển các cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, thương mại của hàng nông sản.

7. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm

Phát triển các vùng trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa trọng điểm, vùng sản xuất nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến. Tăng cường hệ thống kiểm soát dịch bệnh, hạn chế sự lây lan dịch bệnh giữa các địa phương. Tổ chức sản xuất theo hướng tập trung đảm bảo an toàn thực phẩm, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến: GAP, HACCP, ISO 2200,... Thực hiện tốt các chương trình phối hợp, hỗ trợ sản xuất kinh doanh nông sản an toàn, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm. Xây dựng và nhân rộng các chuỗi cung ứng thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng chỉ dẫn địa lý và quảng bá thương hiệu sản phẩm.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất, cung ứng giống, vật tư phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các chế phẩm, hóa chất độc hại, chất phụ gia, chất cấm trong sản xuất và bảo quản nông sản. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc tăng cường trách nhiệm quản lý vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 30/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng của các mặt hàng nông sản nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá

nhân cô tình sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp vi phạm về an toàn thực phẩm theo đúng quy định pháp luật.

Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư nông nghiệp, quy trình kỹ thuật sản xuất nhằm tạo điều kiện thuận lợi mở rộng thị trường sản xuất và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

8. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành nông nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Ưu tiên đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ hiện đại để tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ di truyền, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới theo nhu cầu của lao động, doanh nghiệp, thị trường; gắn đào tạo nghề nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới và phục vụ cơ cấu lại nông nghiệp. Đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động khu vực nông thôn.

Đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý cán bộ chuyên môn kỹ thuật, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm, nhất là mạng lưới khuyến nông viên cơ sở; đẩy mạnh đào tạo nông dân, người sản xuất theo hướng gắn với sản xuất mô hình, trang trại, doanh nghiệp; tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp trong và ngoài nước về các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề ở nông thôn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ để từng bước thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị.

9. Đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản: Xây dựng chính sách đặc thù và cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để khuyến khích, thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao theo định hướng quy hoạch kết hợp với các hình thức tổ chức tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị gia tăng nông, lâm nghiệp và thủy sản. Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ chế biến theo quy hoạch, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm sản của tỉnh. Phát triển dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông sản chủ lực. Xây dựng Kế hoạch xúc tiến đầu tư, ban hành danh mục các dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

10. Phát triển thị trường, tăng cường năng lực hội nhập quốc tế; đẩy mạnh xúc tiến thương mại; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử trong nông nghiệp

Nâng cao năng lực nghiên cứu, kiểm soát chất lượng nông sản theo các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; làm tốt thông tin, dự báo, phân tích, định hướng thị trường; tổ chức các hội nghị, hội thảo cho các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng ngoại thương, tranh thủ lợi thế từ các FTAs, nhất là EVFTA, CPTPP để cơ cấu lại thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một số thị trường, tháo gỡ rào cản để thâm nhập thị trường; phát triển mạnh thương mại điện tử trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, xây dựng thương hiệu nông sản để từng bước mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 04/7/2022 về việc triển khai thực hiện Đề án Nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 452/KH-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 05/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025.

Bám sát các xu hướng, tác động của hội nhập kinh tế và các hiệp định Thương mại tự do để tổ chức lại sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc, sản xuất an toàn, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng, sản lượng của thị trường xuất khẩu. Đặc biệt chú trọng việc nâng cao kim ngạch xuất khẩu đối với một số sản phẩm nông, lâm, thủy sản có lợi thế cạnh tranh của tỉnh (*như: gỗ và sản phẩm đồ gỗ; cà phê, hạt điều, hạt tiêu, trái cây, thịt heo, thịt gà...*) tại các thị trường truyền thống (*Trung Quốc; Hoa Kỳ; EU; Hàn Quốc; Nhật Bản;...*).

Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại đưa hàng hóa nông sản của tỉnh tiếp cận thị trường các hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị nước ngoài và trong nước (đặc biệt là thị trường TP. Hồ Chí Minh). Tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu trong đó ưu tiên tổ chức các Hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa nông nghiệp, OCOP nhằm hỗ trợ kết nối các đối tượng sản xuất, kinh doanh hàng nông nghiệp với nhà phân phối, đại lý trong nước để mở rộng kênh tiêu thụ.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông sản trên sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn thương mại điện tử liên quan.

Tiếp tục triển khai đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại, như: nâng cấp, phát triển chợ truyền thống, khuyến khích phát triển chợ an toàn vệ sinh thực phẩm, chợ văn minh thương mại, cơ sở kinh doanh thực phẩm an toàn; phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ của tỉnh nhằm củng cố và mở rộng hệ thống phân phối, xây dựng các kênh phân phối thông minh, hiện đại; hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng trung tâm hoặc điểm giới thiệu, bán hàng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh; xây dựng mô hình du lịch sinh thái để phát triển kinh tế địa phương; xây dựng dự án kênh tiêu thụ nông sản với chủ thể là

doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, chế biến, dự trữ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;...

11. Bảo vệ tài nguyên, môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường nông thôn. Xây dựng và triển khai chính sách xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, nhất là ở các làng nghề; đầu tư các khu xử lý rác thải tập trung quy mô liên xã, liên huyện, liên tỉnh đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải, chất thải rắn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm nước và vật tư nông nghiệp, giảm phát thải khí nhà kính; phối hợp quản lý tốt nguồn nước các lưu vực sông và hệ thống thủy lợi bảo đảm quá trình khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, phục vụ có hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài.

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 60-CTr/TU ngày 20/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Kế hoạch số 413/KH-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 15/6/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch số 577/KH-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh về triển khai Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 267/KH-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy về quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững; nâng cao tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án phát triển rừng bền vững bằng phương thức nông lâm kết hợp và trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2250/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025” của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông tại Kế hoạch số 464/KH-UBND ngày 14/7/2021; Đề án phát triển rừng tự nhiên gắn với phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân di cư tự do; Phương án quản lý, bảo vệ rừng bền vững; Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh;... Phát triển, khoanh nuôi, trồng mới, bảo vệ và phát triển kinh tế rừng, phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, giảm phát thải nhà kính và tăng lưu trữ carbon, thích ứng với biến đổi khí hậu, kết hợp với khai thác và phát huy các giá trị kinh tế của rừng để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, nâng mức đóng

góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh và bảo vệ quốc phòng, an ninh. Tận dụng tối đa lợi thế về đất đai, khí hậu có sẵn để hình thành các vùng trồng tập trung các loài cây đa mục đích, cây đặc sản để vừa nâng độ che phủ, vừa phòng hộ, vừa đem lại giá trị kinh tế cho người trồng. Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất lâm nghiệp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn Ngân sách nhà nước; lồng ghép các Chương trình, Dự án, Đề án của Trung ương, địa phương; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao các Sở, Ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ kèm dự toán kinh phí trình cấp thẩm quyền phê duyệt, triển khai thực hiện hoặc lồng ghép các chương trình, dự án, đề án của Trung ương, địa phương để thực hiện.

3. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất kinh phí của các cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xem xét, ưu tiên cân đối các nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động tại địa phương theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa thực hiện. Tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Phối hợp với Cục Thống kê tỉnh và UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa thực hiện giám sát đánh giá theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu phân công nhiệm vụ; triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

2. **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Tham mưu, báo cáo UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

3. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào nông nghiệp; hướng dẫn giao, thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để đáp ứng nhu cầu phát triển các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

5. Sở Công Thương: Triển khai thực hiện kế hoạch xúc tiến thương mại và khuyến công; hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm; phối hợp hỗ trợ xây dựng một số điểm giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm; quảng bá, xúc tiến xuất khẩu đối với sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tăng cường tập huấn, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện sở hữu trí tuệ, quản lý, sử dụng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

7. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp và phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp.

8. Liên minh Hợp tác xã tỉnh: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập mới, nâng chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp; thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; hỗ trợ phát triển mô hình hợp tác, liên kết doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Tư vấn, hỗ trợ và cung cấp dịch vụ; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho việc hình thành và phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác. Triển khai thực hiện hiệu quả xây dựng mô hình điểm Chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm đối với Tổ hợp tác, Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa: Căn cứ các Nghị quyết, Chương trình, Kết luận của Tỉnh ủy; các Nghị quyết của HĐND tỉnh; các Chương trình, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội; các Đề án, Chương trình về nông nghiệp,

nông thôn và Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Trên đây là Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình; cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm, phân công lãnh đạo phụ trách, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, giải pháp thực hiện. Định kỳ hàng năm (trước ngày 05/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa chủ động báo cáo qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các Hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP Gia Nghĩa;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT (LTT).

6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC I:
CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN
CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: **693** /KH-UBND ngày **23** tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
I. Nhóm nhiệm vụ xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động nguồn lực					
1	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023
2	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2022 - 2023
3	Rà soát, bổ sung chính sách tín dụng phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện tiếp cận vốn cho các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023
4	Chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản đầu tư áp dụng hoặc chuyển đổi công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Năm 2023

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5	Chính sách hỗ trợ và ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, lao động ở nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giáo dục và Đào tạo, các địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh/ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Năm 2023
II. Nhóm nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp					
1	Kế hoạch phát triển các sản phẩm trồng trọt chủ lực của tỉnh đến năm 2025 gắn với truy xuất nguồn gốc, chế biến và thị trường tiêu thụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2023
2	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
3	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
5	Triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ, khuyến nông trong chăn nuôi và tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
6	Triển khai thực hiện Công văn số 4999/UBND-NNTNMT ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 29/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
7	Kế hoạch xây dựng các vùng chăn nuôi an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2023

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
8	Kế hoạch hình thành và phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2023
III. Nhóm nhiệm vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản, kinh tế nông thôn và phát triển thị trường					
1	Triển khai thực hiện Công văn số 5159/UBND-NNTNMT ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 20/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030
2	Triển khai thực hiện Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
3	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Triển khai thực hiện Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương	Văn bản của UBND tỉnh	Năm 2022
5	Triển khai thực hiện Đề án phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Giao thông vận tải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
6	Triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành hàng sản xuất và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Y tế	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
7	Triển khai thực hiện Công văn số 6138/UBND-NNTNMT ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường nông sản”	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Các đơn vị có liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2022-2030

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
8	Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đẩy mạnh xuất khẩu hàng chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021 - 2025	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương có liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	2021-2025
9	Triển khai thực hiện Đề án phát triển trung tâm cung ứng nông sản hiện đại đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Văn bản triển khai của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
10	Triển khai thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Văn bản triển khai của UBND tỉnh	Năm 2022
IV. Nhóm nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ					
1	Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	- Văn bản triển khai của đơn vị; - Báo cáo kết quả thực hiện;	Năm 2022-2025

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2	Xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 thuộc lĩnh vực chế biến, bảo quản nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Quyết định phê duyệt Chương trình của UBND tỉnh	Năm 2023
3	Xây dựng Đề án “Nghiên cứu, xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Quyết định phê duyệt Đề án của UBND tỉnh	Năm 2023
4	Xây dựng Kế hoạch xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương; các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022-2023

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
V. Nhóm nhiệm vụ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực					
1	Xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 17/8/2022 của Tỉnh ủy Đắk Nông về phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu, gắn với thị trường đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Chương trình hành động của UBND tỉnh	Năm 2022
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Năm 2022
3	Triển khai thực hiện Đề án khởi nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
4	Triển khai thực hiện Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

Stt	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
VI. Nhóm nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm					
1	Triển khai thực hiện Đề án chuẩn hóa chất lượng, an toàn thực phẩm và gia tăng chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án
VII. Nhóm nhiệm vụ thủy lợi và phòng chống thiên tai					
1	Triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình
2	Triển khai thực hiện Đề án an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án



PHỤ LỤC II:
BỘ TIÊU CHÍ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH ĐẮK NÔNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: **693** /KH-UBND ngày **23** tháng 11 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Tên và nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đến năm 2025
1	Tốc độ tăng giá trị gia tăng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS)	%/năm	≥ 4,5
2	Giá trị sản xuất toàn ngành tăng bình quân hàng năm	%/năm	5,6
2.1	Lĩnh vực nông nghiệp	%/năm	5,5
2.2	Lĩnh vực lâm nghiệp	%/năm	4,0
2.3	Lĩnh vực thủy sản	%/năm	7,5
3	Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản	%/năm	≥ 8
4	Tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản	%/năm	≥ 7
5	Tỷ lệ giá trị sản phẩm NLTS được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ	%	≥ 30
6	Tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương	%	≥ 25
7	Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao	%	≥ 20
8	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả	%	≥ 45
9	Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước	%	≥ 35
10	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận	%	≥ 30
11	Tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo	%	≥ 55
12	Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch	%	≥ 70

Stt	Tên và nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đến năm 2025
13	Tỷ lệ diện tích nhóm đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ so với tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp	%	$\geq 1,5$
14	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn bình quân hàng năm	Triệu đồng/người/năm	≥ 50
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	>40